

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Xử lý khẩn cấp sự cố sạt trượt, thấm lậu, sủi bùn thân, nền đê và cải tạo, nâng cấp đê tả Cầu đoạn K0-K10 xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ các Luật: Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật Đê điều ngày 29/11/2026; Luật Quy hoạch ngày 10/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 về Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 05 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; số 60/2025/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư của Bộ Xây dựng;

*Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BNNMT ngày 02/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Ban hành định mức dự toán chuyên ngành xây dựng công trình thủy lợi và đê điều;*

*Căn cứ Công văn số 2580/BNNMT-ĐĐ ngày 20/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về giải pháp kỹ thuật các dự án xử lý khẩn cấp sự cố đê điều và cải tạo, nâng cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Ninh: Số 14/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh; số 29/2025/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 Về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 432/BC-SNNMT ngày 11/6/2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án: Xử lý khẩn cấp sự cố sạt trượt, thấm lậu, sủi đùn thân, nền đê và cải tạo, nâng cấp đê tả Cầu đoạn K0-K10 xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xử lý khẩn cấp sự cố sạt trượt, thấm lậu, sủi đùn thân, nền đê và cải tạo, nâng cấp đê tả Cầu đoạn K0-K10 xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh.

2. Địa điểm xây dựng: xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

4. Chủ đầu tư: Giám đốc Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Ninh.

6. Nhóm dự án, phân loại và phân cấp công trình chính:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, công trình đê điều.

- Cấp công trình: Cấp III.

7. Mục tiêu dự án:

Đầu tư xây dựng tuyến đê Tả sông Cầu đoạn K0-K10 thuộc địa phận xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh nhằm xử lý, khắc phục ngay hậu quả sự cố sạt trượt mái, thân, nền đê; thấm lậu, rò rỉ trên thân, mái đê; tràn nước qua mặt đê để đảm bảo lâu dài về an toàn đê điều, an toàn tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân trong khu vực. Đồng thời tăng cường năng lực phòng tránh, ứng phó hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công tác an toàn phòng, chống thiên tai với các diễn biến thời tiết bất thường trong mùa mưa bão năm 2026 và các năm tiếp theo

góp phần ổn định đời sống dân cư trong khu vực dự án, kết hợp giao thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương và khu vực.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, thông số kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

#### 8.1. Quy mô xây dựng:

- Đầu tư xây dựng tuyến đê Tả sông Cầu đoạn K0-K10 đảm bảo yêu cầu chống lũ, an toàn đê điều kết hợp mở rộng, cứng hoá mặt đê kết hợp giao thông với chiều dài khoảng 10km (trong đó đoạn qua khu dân cư chiều dài khoảng 1.778m).

- Xây dựng 04 cống tưới qua đê, đường hành lang chân đê tổng chiều dài khoảng 555m, khoan phụt gia cố đê tổng chiều dài khoảng 2.350m, xây dựng 04 điểm canh đê, hệ thống điện chiếu sáng qua khu dân cư, hoàn trả hạ tầng kỹ thuật và một số công trình phụ trợ khác...

#### 8.2. Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

##### a) Phần đê:

- Hoàn thiện mặt cắt đê:

+ Đào cung sạt trượt (nếu có), bóc màu, đắp đất độ chặt K95 áp trực nâng cao trình và mở rộng thân đê (*một số đoạn bố trí tường chắn sóng, tường chắn đất bằng BTCT.*

+ Chiều rộng mặt đê cứng hoá Bmđ = 7,5m-10,5m bằng kết cấu áo đường mềm, chiều rộng lề mỗi bên khoảng 2x1,0m bằng đất đắp độ chặt K95. Các đoạn qua khu dân cư xây dựng rãnh thoát nước dọc 2 bên có kích thước BxH=(0,4x0,5)m kết cấu bằng BTCT M300# và hệ thống đèn chiếu sáng (*cột đèn thép mạ kẽm nhúng nóng, bóng đèn loại LED và tủ điện điều khiển*).

- Khoan phụt vữa gia cố đê: Khoan phụt bằng vữa xi măng - sét dọc theo các đoạn đê bị thấm lậu, đùn sủi.

- Đường hành lang chân đê: Đào, đắp đất nền độ chặt  $K \geq 0,95$ , mặt đường rộng từ 3,0m-7,0 m với kết cấu bằng BT M250.

b) Cống tưới qua đê: Cống bằng ống thép không gỉ bên ngoài bọc BTCT M300, đắp đất sét luyện dày 1m xung quanh cống và bố trí hệ thống hố ga, van đóng mở.

c) Điểm canh đê: Kết cấu hệ thống khung, cột chịu lực BTCT M250. Tường xây gạch bê tông không nung; bố trí hệ thống cửa đi, cửa sổ; Tường, trần lãn sơn; Lắp đặt hệ thống điện trong nhà, cấp thoát nước nhà vệ sinh, thiết bị nhà vệ sinh, chống sét; Bố trí trang thiết bị phục vụ làm việc, sinh hoạt.

d) Các hạng mục phụ trợ: Các thông số kỹ thuật, công trình phụ trợ (*dốc, vượt dốc, tường chắn sóng, tường chắn đất, lấp ao, cơ, phản áp, hoàn trả kênh tưới, rãnh thoát nước...*) và chi tiết giải pháp thiết kế khác: Theo hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở.

9. Bản vẽ TKCS được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

10.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 12845-2020: Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật;

- QCVN 04-05:2022/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình Thủy lợi, phòng chống thiên tai - Phần I Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 9902:2025 Đê sông - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9165:2025 Đê sông - Yêu cầu kỹ thuật đắp đê;

- TCVN 8644:2011 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật khoan phụt vữa gia cố đê;

- TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 8218:2009: Bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 4447:2012: Công tác đất - thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8422:2010 Công trình thủy lợi – Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;

- TCVN 4116:1985 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công;

- TCVN 10304:2025 Móng cọc – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4054:2005: Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế;

- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam liên quan khác.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **453.178.000.000** đồng

*(Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ba tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu đồng).*

Trong đó:

- Chi phí BT, HT và tái định cư	53 312 795 000	đồng;
- Chi phí xây dựng	317 456 365 000	đồng;
- Chi phí thiết bị	354 143 000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	4 859 612 000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	14 883 353 000	đồng;
- Chi phí khác	6 521 745 000	đồng;
- Chi phí dự phòng	55 789 788 000	đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: Xong trước ngày 31/12/2027.
13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, Ngân sách Trung ương hỗ trợ (nếu có) và các nguồn vốn hợp pháp khác.
14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành).
15. Các nội dung khác:
- Phương án giải phóng mặt bằng: Chủ đầu tư cần phối hợp với chính quyền địa phương để xây dựng và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật.
  - Các nội dung khác theo Báo cáo kết quả thẩm định số 432/BC-SNNMT ngày 11/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

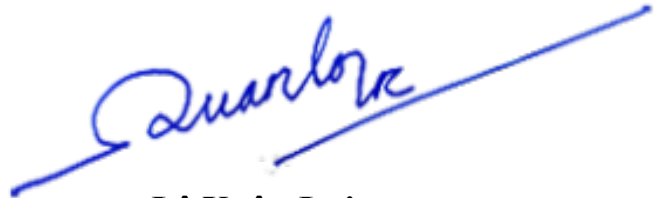
**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Ban Quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1 được giao quản lý và thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc Nhà nước Khu vực VI; Giám đốc Ban quản lý dự án Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh số 1, UBND xã Hợp Thịnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh: LĐVP<sup>Ô.Luýén</sup>;
- Lưu: VT, KTN<sub>Nam</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Xuân Lợi**